TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 456 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/ 6/ 2021
V/v Ly hôn giữa anh D và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thảo Linh Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Cao Thị Chính
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thi Thư - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2021/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, T/c con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Cao D, sinh năm 1987; cư trú tại: Tổ 2, KV6, P. B, TP. Q, tỉnh BĐ.

2 Bị đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1988; cư trú tại: Tổ 16, KV3, P. Đ, TP. Q, tỉnh BĐ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Cao D trình bày:*

Anh và chị T tìm hiểu nhau khoảng 3 tháng rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND P. B, Tp. Q vào ngày 29/05/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng thường hay xảy ra kình cãi, chị T thường dùng những lời lẽ xúc phạm anh. Năm 2014 mâu thuẫn giữa vợ chồng trở nên trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nên anh và chị T đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Năm 2017 chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Trong suốt thời gian sống ly thân anh và chị T không có quan tâm và trách nhiệm với

nhau. Nay mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm không còn nên anh yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 14/01/2009 và Nguyễn Trần Minh T1, sinh ngày 31/12/2012. Hiện các con sức khỏe bình thường và đang sống cùng chị T. Ly hôn anh tự nguyện giao 02 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.500.000đ/1 cháu.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản khai ngày 29/3/2021 và các lời khai tiếp theo, bị đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:*

Chị thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như anh D đã khai. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh D thay đổi tình cảm, có quan hệ với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh D không nghe. Từ năm 2014 đến nay chị và anh D sống ly thân, anh D không có trách nhiệm gì với các con. Trong những lần vợ chồng kình cãi, do nóng giận nên chị có dùng những lời lẽ xúc phạm anh D. Chị thừa nhận từ năm 2017 đến nay chị có tình cảm với người đàn ông khác, nhưng vì hiện nay các con còn nhỏ, chị muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 14/01/2009 và Nguyễn Trần Minh T1, sinh ngày 31/12/2012. Hiện các con sức khỏe bình thường và đang sống cùng chị. Ly hôn chị xin trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000đ/1 cháu, cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành việc có mặt theo triệu tập của Tòa.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Cao D. Về con chung: giao 2 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con 2.000.000đ/tháng/1 cháu kể từ tháng 6/2021

cho đến khi các cháu trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị Thu T có địa chỉ cư trú tại Tổ 2, KV6, P. B, TP. Q, tỉnh BĐ. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn.

Chị Trần Thị Thu T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Cao D và chị Trần Thị Thu T đi đến hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, Tp. Q vào ngày 29/5/2007 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Cuộc sống chung giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xãy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh chị luôn nghi ngờ không tin tưởng nhau, vợ chồng thường cãi vã và xúc phạm nhau. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay không có quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị T không đồng ý ly hôn nhưng chị cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt không có lý do. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh D và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D để giải phóng cho đôi bên.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh D và chị T có 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 14/01/2009 và Nguyễn Trần Minh T1 sinh ngày 31/12/2012, sức khỏe bình thường và đang sống cùng chị T. Ly hôn anh D tự nguyện giao hai con chung cho chị Trang trực tiếp nuôi dưỡng, chị T đồng ý đề nghị của anh D. Xét thấy, thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của các cháu và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay anh D thống nhất theo yêu cầu của chị T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ/1cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, ý kiến của anh D phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh D và chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, anh Nguyễn Cao D phải nộp 300.000đ.

-Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Cao D phải chịu 300.000 đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Cao D và chị Trần Thị Thu T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 14/01/2009; Nguyễn Trần Minh T1, sinh ngày 31/12/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Cao D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung Nguyễn Trần Ngọc H, Nguyễn Trần Minh T1 mỗi tháng 2.000.000đ/1 cháu kể từ tháng 6/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh D, chị T không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Cao D phải chịu 300.000đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003567 ngày 22/3/2012 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Quy Nhơn. Anh D đã nộp đủ án phí HNGĐST.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Cao D phải chịu 300.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7

và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Quy Nhơn;
- THA TP.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thảo Linh Phương